

Mỹ Lộc, ngày 12 tháng 01 năm 2026

DỰ TOÁN

Thu- chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Học kỳ II năm học 2025-2026

Căn cứ nghị định số 238/2025/NĐ- CP ngày 03/9/2025 của chính phủ về quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 927/SGDĐT-TC ngày 25/09/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập đối với cơ sở giáo dục do tỉnh Ninh Bình quản lý năm học 2025-2026;

Căn cứ hướng dẫn số 758/SGDĐT-GDMN ngày 10/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số: 606/SGDĐT-CTHSSV ngày 25 tháng 8 năm 2025 về việc triển khai ứng dụng liên lạc điện tử kết nối giữa gia đình và nhà trường;

Căn cứ Công văn số 1635/UBND- VHXXH ngày 27/09/2025 của Phường Mỹ Lộc về việc tăng cường công tác quản lý thu chi tài chính năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ vào công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08/01/2026 về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo NQ số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025- 2026 của nhà trường. Trường Mầm non Mỹ Tiến xây dựng kế hoạch dự toán thu – chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường học kỳ II năm học 2025- 2026 như sau:

I. Dự kiến số trẻ đến trường trung bình trong năm học:

STT	Tên lớp	Số lớp	Số học sinh	Số học sinh đi học ngày thứ bảy
-----	---------	--------	-------------	---------------------------------

1	Nhóm trẻ	3	58	43
2	Lớp 3 – 4 tuổi	2	48	35
3	Lớp 4 – 5 tuổi	3	92	44
4	Lớp 5 – 6 tuổi	3	93	49
Cộng		11	291	171

II. Thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

1. Dịch vụ nước cho học sinh

a. Cơ sở mức thu:

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

b. Dự kiến thu: $291 \text{ học sinh} \times 20.000 \text{ đ} \times 5 \text{ tháng} = 29.100.000.000 \text{ đ}$

c. Dự kiến chi:

+ Chi tiền thuê người đun nước cho học sinh thuê khoán :
 $200.000 \text{ đ/tháng/người/khu} \times 1 \text{ người} \times 2 \text{ khu} \times 5 \text{ tháng} = 2.000.000 \text{ đ}$
 + Kiểm nghiệm nguồn nước: $1.200.000 \text{ đ}$
 + Chi tiền nước sạch 2 khu: $3.000.000 \text{ đ/tháng} \times 5 \text{ tháng} = 15.000.000 \text{ đ}$
 + Còn lại chi sửa chữa bảo dưỡng máy lọc nước, bình nước :
 $10.900.000 \text{ đ}$

2. Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh trong trường

a. Cơ sở mức thu:

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

b. Dự kiến thu

Dự thu: $291 \text{ học sinh} \times 30.000 \text{ đ} \times 5 \text{ tháng} = 43.650.000 \text{ đ}$

c. Dự kiến chi:

- Chi tiền công vệ sinh vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh, thu gom rác trong trường với mức lương 4.730.000 đồng/ tháng x 5 tháng
- Chi tiền công cụ, dụng cụ, hóa chất... phục vụ dọn vệ sinh: 12.308.000 đồng
- Chi sửa chữa, thay thế thiết bị vệ sinh, hệ thống điện nước khu vệ sinh học sinh và các chi phí khác có liên quan: 7.692.000 đồng

3. Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày nghỉ, ngày hè, ngoài giờ hành chính**a. Cơ sở mức thu:**

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

b. Dự kiến thu: 171 học sinh x 30.000 đồng x 17 ngày = 87.210.000 đồng

c. Dự toán chi: 87.210.000 đồng. Cụ thể:

- | | |
|---|-----------------|
| - Nộp thuế TNCN (2% x 66.420.000 đồng): | 1.744.200 đồng |
| - Kinh phí còn lại sau nộp thuế: | 85.465.800 đồng |

Trong đó:

- | | |
|---|-----------------|
| + Chi thù lao cho giáo viên dạy trực tiếp (70%) | 59.826.060 đồng |
| + Chi cho BQL dạy thêm học thêm (18%): | 17.093.160 đồng |
| + Chi điện, nước, sửa chữa CSVN (12%): | 8.546.580 đồng |

4. Dịch vụ ăn uống, bán trú:**a. Cơ sở mức thu:**

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

+ Định mức thu tiền ăn bán trú: Nhà trường xây dựng bảng thực đơn cụ thể hàng tháng (tuần chẵn và tuần lẻ) và đảm bảo chất lượng dinh dưỡng cho từng độ tuổi, dự kiến mức thu tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn là 22.000 đồng/trẻ/ngày. Thu theo số ngày thực tế trẻ đi học.

+ Nhà trường dự kiến thu: Tiền chất đốt và các chi phí khác có liên quan: 2.000 đồng/học sinh/ngày, thu theo số ngày thực tế học sinh đi học.

b. Dự kiến thu:

- Tiền ăn: $291 \text{ học sinh} \times 22.000 \text{ đồng/ngày} \times 26 \text{ ngày} \times 5 \text{ tháng} = 832.260.000$ đồng.

- Tiền chất đốt: $291 \text{ học sinh} \times 2.000 \text{ đồng/ngày} \times 26 \text{ ngày} \times 5 \text{ tháng} = 75.660.000$ đồng.

c. Dự toán chi: Cụ thể:

- Chi mua lương thực, thực phẩm theo khẩu phần: 832.260.000 đồng

- Chi mua chất đốt và các chi phí khác có liên quan: 75.660.000 đồng.

5. Dịch vụ quản lý học sinh bán trú**a. Cơ sở mức thu:**

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu: 6.000đồng/học sinh/ngày. Thu theo số ngày thực tế trẻ đi học.

b. Mức thu dự kiến: $291 \text{ học sinh} \times 6.000 \text{ đồng} \times 26 \text{ ngày/tháng} \times 5 \text{ tháng} = 226.980.000$ đồng.

c. Dự kiến chi:

- Chi thù lao cho giáo viên dạy trực tiếp (80%): 181.584.000 đồng

- Chi công tác quản lý (20%): 45.396.000 đồng

6. Dịch vụ cung cấp thiết bị, đồ dùng phục vụ bán trú**a. Cơ sở mức thu:**

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu: Thu lần đầu tuyển mới vào trường (đầu cấp): 300.000 đồng/trẻ/lần

b. Dự kiến thu:

$68 \text{ trẻ} \times 300.000 \text{ đồng/học sinh} = 20.400.000$ đồng.

c. Dự toán chi:

Chi phí mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn; chi phí mua đồ dùng cá nhân cho trẻ em, học sinh bán trú: 20.400.000 đồng.

7. Dịch vụ nấu ăn:

a. Cơ sở mức thu:

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu: 100.000đồng/học sinh/tháng. Thu theo số tháng thực tế trẻ đi học.

b. Dự kiến thu: 291 học sinh x 100.000đ x 5 tháng = 145.500.000đ

c. Dự kiến chi:

Chi trả người nấu ăn 5 người trong đó bao gồm 3 người nấu ăn khu A, 2 người nấu ăn khu B là: 145.500.000đ.

8. Dịch vụ làm mát bằng điều hòa, cung cấp nước nóng

a. Cơ sở mức thu:

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình.

- Tiền điện bình quân các tháng sử dụng bình nóng lạnh khoảng: 1.257.621 đồng (tháng 12/2025 Khu Lang Xá) + 1.879.718 đồng (tháng 12/2025 Khu La Chờ) = 3.137.339 tương đương 10.781 đồng/ học sinh

- Tiền điện bình quân các tháng sử dụng điều hòa là 2.201.350 đồng ((tháng 05/2025 Khu Lang Xá)+ 4.402.750 đồng (tháng 05/2025 Khu La Chờ) = 6.604.100 tương đương 22.695 đồng/ học sinh

Nhà trường dự kiến thu: 22.000 đồng/ học sinh/ tháng sử dụng điều hòa

Nhà trường dự kiến thu: 10.000 đồng/ học sinh/ tháng sử dụng bình nóng lạnh

b. Dự kiến thu:

Dịch vụ làm mát bằng điều hòa, dịch vụ cung cấp nước nóng: nhà trường sẽ tạm thu 20.000 đồng / học sinh/ tháng.

c. Dự toán chi:

- Chi số tiền thu được để chi trả chi phí điện năng tiêu hao do sử dụng các thiết bị điện điều hòa, bình nóng lạnh cho học sinh theo số liệu thực tế trên hoá đơn, nếu số thu không đủ chi sẽ thu bù vào cuối tháng 5, còn nếu số thu nhiều hơn số chi sẽ được hoàn trả lại vào cuối tháng 5.

III. Công khai các khoản thu:

Nhà trường thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định tại: Thông tư 09/2024/TT-BDGĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 19/2005/TT - BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Việc công khai được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức như: công bố tại các kỳ họp, niêm yết tại bảng tin nhà trường; đưa lên trang thông tin điện tử của trường.

IV. Công tác chỉ đạo, quản lý:

- Bộ phận tài vụ thực hiện nghiêm túc các quy trình, thủ tục và mở đủ, đúng hệ thống sổ sách thu chi tài chính theo đúng quy định của Nhà nước. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm điều hành, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức công đoàn, ban thanh tra nhân dân chịu trách nhiệm giám sát và phản ánh mọi thắc mắc về Ban giám hiệu và bàn biện pháp khắc phục và giải quyết các khiếu kiện có thể xảy ra.

- Bộ phận tài vụ có trách nhiệm tiến hành thu và quản lý thu theo đúng kế hoạch.

- Trên đây là kế hoạch dự kiến Thu- chi học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2025 - 2026 của trường Mầm non Mỹ Tiến. Bộ phận tài vụ nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy trình, thủ tục và mở đủ, đúng hệ thống sổ sách thu chi tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.

Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm điều hành, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong quá trình thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH;
- Lưu: VP./.



Nguyễn Thị Minh Chính